

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Lắk
thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 28/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BXD, ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Công văn số 4516/BXD-VLXD ngày 17/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050; Công văn số 1361/BXD-VLXD ngày 26/4/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển VLXD tại các địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ các đề án, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, được tích hợp vào quy hoạch tỉnh;

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn, phản biện và giám định xã hội “Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2045” tổ chức ngày 07/9/2022 tại Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo số 143/BC-SXD ngày 24/4/2023 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên UBND tỉnh đối với Dự thảo Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 và Tờ trình số 153/TTr-SXD ngày 02/12/2022 đề nghị phê duyệt Dự án Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050” với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050; quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan.

- Đầu tư phát triển VLXD trên địa bàn tỉnh theo nhu cầu của thị trường và các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch được duyệt; Không đầu tư các dự án sản xuất VLXD ở các vùng ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích, lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật.

- Tiếp cận và ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học công nghệ trong sản xuất VLXD.

- Sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng Ôzôn; gắn sản xuất VLXD với tái chế, tái sử dụng các chất thải công nghiệp, nông nghiệp, xử lý rác thải và bảo vệ môi trường. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD đối với tài nguyên rừng.

- Đẩy mạnh sản xuất các chủng loại VLXD có giá trị kinh tế cao; nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm VLXD trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất VLXD; phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp VLXD.

2. Đối tượng cụ thể: Xi măng; Gạch đất sét nung; Vật liệu xây không nung; Gạch gốm ốp lát; Đá ốp lát; Sứ vệ sinh; Kính xây dựng; Vật liệu lợp; Đá xây dựng; Cát, sỏi xây dựng; Bê tông; Vật liệu san lấp; Các loại vật liệu hữu cơ, vật liệu thay thế, vật liệu đặc biệt khác.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu tổng quát

- Tập trung đầu tư và phát triển các sản phẩm VLXD có thế mạnh của tỉnh. Nghiên cứu phát triển sản xuất đa dạng các sản phẩm VLXD mới, có hiệu quả kinh tế cao. Đưa công nghệ tiên tiến hiện đại vào sản xuất VLXD để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Phát triển VLXD đảm bảo nguồn vật liệu cho xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, trong khu vực và xuất khẩu đối với những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, góp phần vào tăng trưởng GRDP, nâng cao vị thế của ngành VLXD trong nền kinh tế của tỉnh.

- Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất VLXD lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

3.2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

Các mục tiêu cụ thể về đầu tư, công nghệ, khai thác, sử dụng tài nguyên bảo vệ môi trường, sản phẩm và xuất khẩu của từng loại VLXD cho từng giai đoạn: Có các Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Phổ biến rộng rãi Chiến lược phát triển VLXD của tỉnh cho các ngành, các cấp chính quyền, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh biết, hiểu rõ nội dung chiến lược và thực hiện.

- Phân cấp rõ ràng để tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động sản xuất, khai thác khoáng sản làm VLXD.

- Ban hành lộ trình hạn chế, tiến tới dừng hoạt động các cơ sở sản xuất công nghệ lạc hậu, không hiệu quả kinh tế, gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư có để phát triển công nghiệp thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường. Nghiên cứu đề xuất các khoản mục trong vốn đầu tư của tỉnh để đầu tư thăm dò, khảo sát điều tra cơ bản các mỏ có triển vọng, từ đó có thể thu hút đầu tư hoặc tổ chức đấu thầu khai thác để thu hồi vốn.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về chính sách ưu đãi vốn, mặt bằng đồng thời có các chính sách hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đầu tư sản xuất VLXD tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

- Rà soát các quy định của địa phương về quản lý VLXD khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, quản lý các cơ sở sản xuất, chế biến khoáng sản làm VLXD để điều chỉnh/bổ sung/sửa đổi cho phù hợp với Chiến lược này.

2. Khai thác tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản đối với các chủng loại khoáng sản làm VLXD.

- Tổ chức khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng khoáng sản, theo phương án bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên, thực hiện công tác bảo vệ môi trường, hoàn nguyên mỏ theo quy định.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn khai thác khoáng sản với chế biến.

- Nghiêm cấm sử dụng đất canh tác nông nghiệp để sản xuất gạch nung, nâng mức phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên với việc khai thác đất sét sản xuất gạch.

- Nghiêm cấm việc sử dụng cát lòng sông đủ tiêu chuẩn làm cát đổ bê tông, cát xây trát phục vụ cho nhu cầu san lấp.

- Hình thành các khu vực, bến bãi tập kết VLXD theo quy hoạch, cơ sở chế biến nguyên liệu đảm bảo cung cấp ổn định về chất lượng, số lượng cho cơ sở sản xuất VLXD.

- Sử dụng tro xỉ làm nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, thay thế cho một số nguyên liệu chính trong sản xuất VLXD như: gạch đất sét nung, xi măng, cát, cốt liệu, bê tông,... làm vật liệu san lấp tạo thành nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, bền vững cho phát triển sản xuất VLXD tại địa phương.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc vận động các doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế; giảm tiêu hao năng lượng; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm VLXD.

- Đẩy mạnh việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXD công nghệ cao, đặc biệt là VLXD từ phế thải công nghiệp và sinh hoạt...

- Nghiên cứu phát triển các loại VLXD phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, tăng năng suất lao động, giảm giá thành công trình.

- Đẩy mạnh nghiên cứu trong lĩnh vực chế tạo cơ khí, sản xuất thiết bị, phụ tùng thay thế; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất VLXD.

4. Giải pháp về nhân lực

- Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề trong đó chú trọng đào tạo cho người lao động ngay tại các cơ sở sản xuất. Kết hợp đào tạo chuyên môn, kiến thức quản lý kinh tế với bồi dưỡng nhận thức pháp luật, phẩm chất lao động, đạo đức xã hội, ngoại ngữ, quản trị kinh doanh, marketing để chính những người lao động và những sản phẩm họ làm ra có thể hội nhập được với nền kinh tế toàn cầu. Mặt khác các doanh nghiệp cần có chính sách đãi ngộ các cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao.

- Tiến hành đào tạo gắn với yêu cầu, mục tiêu của sự phát triển, đảm bảo cho người sau đào tạo có thể sớm phát huy được kiến thức đào tạo trong thực tiễn.

- Đa dạng hoá và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

5. Giải pháp về môi trường

- Tăng cường phổ biến rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khai thác khoáng sản, chế biến nguyên vật liệu, các nhà máy sản xuất VLXD theo đúng quy định; tiến tới áp dụng các phương pháp giám sát hiện đại, tự động, kết nối trực tuyến với cơ quan chức năng quản lý môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất VLXD.

- Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Giải pháp về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác khoáng sản, sản xuất VLXD; triển khai kịp thời có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, sản xuất VLXD, nhất là lĩnh vực thăm dò, đầu tư xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tăng cường công tác quản lý và công bố giá VLXD đặc biệt là các vật liệu được khai thác, sản xuất từ khoáng sản.

- Đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng các vị trí mỏ, giúp các nhà đầu tư lựa chọn phương án và giải pháp công nghệ phù hợp; sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; công bố rộng rãi danh mục tài nguyên các vị trí mỏ đã được dự kiến quy hoạch thăm dò để kêu gọi đầu tư.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tạo điều kiện và định hướng cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đá làm VLXD thông thường và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới vào thăm dò, khai thác, chế biến; ưu tiên thu hút đầu tư các cơ sở sản xuất, chế biến

khoáng sản đá làm VLXD có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, từng bước loại bỏ tình trạng khai thác, chế biến thủ công nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát công tác thăm dò, khai thác, chế biến đá làm VLXD thông thường. Phân công cụ thể chức năng quản lý hoạt động khoáng sản đối với các cấp chính quyền, các ban ngành có liên quan trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất VLXD.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển VLXD tỉnh Đắk Lắk đến giai đoạn 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt, tiến hành công bố Chiến lược trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức hội nghị phổ biến, giới thiệu Chiến lược để các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu, đầu tư và khai thác.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất VLXD có sử dụng phế thải công nghiệp, rác thải đô thị và nông thôn làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế và các dự án xây dựng trạm phát điện sử dụng nhiệt, khí thải của các nhà máy sản xuất VLXD.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất VLXD thuộc đối tượng phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật, các loại vật liệu mới, vật liệu cao cấp, thân thiện với môi trường, vật liệu sử dụng nguyên liệu phế thải công nghiệp, vật liệu san lấp công trình, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản không tái tạo.

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chiến lược, chất lượng sản phẩm VLXD; phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh, lưu thông và sử dụng vật liệu trong công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch/lộ trình chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở sản xuất VLXD với công nghệ lạc hậu, không hiệu quả kinh tế, gây ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho sản phẩm VLXD khi cần thiết.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị khác tuyên truyền ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và khai thác khoáng sản làm VLXD, hạn chế sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản; sử dụng công nghệ tiên tiến sản xuất VLXD, đặc biệt là nhóm vật liệu có giá trị cao.

- Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất VLXD và khai thác khoáng sản làm VLXD tại địa phương, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh theo quy định.

- Công bố giá VLXD hàng tháng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan để hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện và kiến nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh Kế hoạch nhằm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và theo quy định của Chính phủ, Bộ Xây dựng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trong quá trình thẩm định để chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất VLXD thuộc đối tượng phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Pháp luật về đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng trước khi trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo các nội dung được quy định tại Điều 6 của Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng. Đối với các dự án sản xuất VLXD, khai thác chế biến khoáng sản làm VLXD có yếu tố nước ngoài, các dự án thuộc phạm vi Ban thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến, chỉ đạo thực hiện phải lấy ý kiến của Công an tỉnh.

- Định kỳ cung cấp thông tin doanh nghiệp theo đúng Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hoặc đột xuất theo đề nghị của cơ quan chức năng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Chủ trì thẩm định cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường phù hợp với quy hoạch; hồ sơ đóng cửa mỏ.

- Nghiên cứu, đề xuất với các khoản mục trong vốn đầu tư của tỉnh cho công tác thăm dò, khảo sát, điều tra cơ bản các mỏ triển vọng trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác xây dựng phương án cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác mỏ, xác định mức ký quỹ phù hợp, đảm bảo việc cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh; thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến, sản xuất VLXD.

- Tham mưu UBND tỉnh xem xét việc cấp quyền khai thác khoáng sản để làm nguyên liệu sản xuất VLXD theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và

phù hợp với quy hoạch; đề xuất xây dựng mức thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường phù hợp.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan trong việc hướng dẫn đầu tư công nghệ khai thác khoáng sản làm VLXD nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, hạn chế sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các Sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ về sản xuất VLXD; ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin (CN 4.0) vào quản lý, sản xuất, tái chế, tận dụng các loại chất thải trong sản xuất VLXD; tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và các giải pháp khoa học công nghệ bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất VLXD.

- Chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất VLXD có sử dụng công nghệ, sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; hướng dẫn đầu tư công nghệ khai thác khoáng sản làm VLXD nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, hạn chế sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp kiểm tra, giám sát công nghệ và chuyển giao công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất VLXD cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ban, ngành có liên quan kiểm tra các doanh nghiệp không thực hiện đúng mục tiêu dự án, không thực hiện nghiêm lộ trình chuyển đổi công nghệ; báo cáo UBND tỉnh xem xét chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật; tham mưu UBND tỉnh xem xét, chấp thuận việc chuyển đổi mục tiêu dự án cho các doanh nghiệp sản xuất VLXD trong trường hợp các đơn vị có nhu cầu.

- Thực hiện cung cấp thông tin về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trong sản xuất VLXD gửi Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất.

5. Sở Giao thông vận tải

- Phối hợp với các chủ đầu tư hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới giao thông đường bộ, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh để kết nối thuận lợi giữa các khu, cụm công nghiệp, nơi sản xuất với nơi tiêu thụ cũng như xuất hàng hóa đi các tỉnh trong nước và xuất khẩu.

- Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai, tính toán việc sử dụng, nhu cầu cung cấp các loại VLXD, vật liệu san lấp trong xây dựng công trình giao thông, đặc biệt là các công trình trọng điểm quốc gia, của tỉnh như đường cao tốc, đê,

kịp thời báo cáo UBND tỉnh có kế hoạch điều chỉnh bổ sung Chiến lược đảm bảo tiến độ dự án và nguồn cung VLXD cho các công trình.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra hoạt động các bến bãi, bến thủy nội địa của tỉnh có tập kết các loại sản phẩm, hàng hóa VLXD, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

6. Sở Công Thương

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, triển lãm hàng hóa và hội chợ VLXD giúp phát triển và mở rộng thị trường VLXD của tỉnh đặc biệt là các sản phẩm VLXD mới.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXD tiết kiệm năng lượng hoặc đầu tư sản xuất các sản phẩm VLXD có tính năng tiết kiệm năng lượng vượt trội so với vật liệu cùng chủng loại thông qua chính sách khuyến công.

7. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến tận thu nhiệt thừa để phát điện, nhằm tiết kiệm năng lượng; sử dụng phế thải công nghiệp, rác thải đô thị và nông thôn vào sản xuất VLXD nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh về nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất VLXD.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vị trí bóc xếp vật tư, VLXD dọc các tuyến sông trên địa bàn tỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xử lý vi phạm về bến bãi, bến đò, phà khách ngang sông không có trong quy hoạch, không được cấp phép hoạt động.

- Thực hiện cung cấp thông tin về tình hình hoạt động các bến bãi tập kết các loại sản phẩm hàng hoá VLXD gửi Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất.

9. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật và cung cấp thông tin về lĩnh vực VLXD hoạt động trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Khi thẩm định đề chấp thuận chủ trương đầu tư dự án sản xuất VLXD, phải lấy ý kiến Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng các nội dung theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh VLXD trong các khu công nghiệp.

- Thực hiện cung cấp thông tin về hoạt động đăng ký doanh nghiệp, đầu tư lĩnh vực VLXD trong các khu công nghiệp gửi Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất VLXD, thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản làm VLXD trên địa bàn theo đúng Chiến lược được duyệt, phù hợp với tình hình Kinh tế - Xã hội của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất VLXD, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD trong công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn lao động; lộ trình chấm dứt hoạt động, di dời các cơ sở sản xuất VLXD theo quyết định của UBND tỉnh.

- Giải quyết theo thẩm quyền thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng cho thuê đất, giao đất cho tổ chức cá nhân đầu tư sản xuất VLXD, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD tại địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đầu tư, cải tạo công nghệ và xử lý môi trường, việc chấm dứt hoạt động, di dời của các cơ sở sản xuất VLXD có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo các văn bản của UBND tỉnh ban hành.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về quản lý VLXD tại địa phương theo quy định.

11. Các doanh nghiệp sản xuất VLXD, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD

- Thực hiện đầu tư đúng dự án được thẩm định, phê duyệt; áp dụng tối đa công nghệ tiên tiến vào khai thác, sản xuất VLXD; tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; tăng cường công tác bảo vệ môi trường khu vực sản xuất; đảm bảo an toàn, an ninh trật tự địa phương.

- Thực hiện lộ trình chuyển đổi công nghệ/chấm dứt hoạt động đối với công nghệ lạc hậu theo chiến lược được duyệt.

- Trước khi cung cấp VLXD ra thị trường phải thực hiện công bố chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy) theo quy định hiện hành. Việc sản xuất VLXD phải đảm bảo đúng chất lượng như công bố.

- Lựa chọn các sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và nền kinh tế, thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp; từng bước đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiêu hao năng lượng thấp, bảo vệ môi trường để tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, giá thành thấp tạo sức cạnh tranh.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh VLXD gửi UBND cấp huyện, Sở Xây dựng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa

học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Báo Đắc Lắc, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CN (VTC-07).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Cảnh